

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HỒNG VẠN

**********

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA DỰ ÁN

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT KẾT CẤU THÉP VÀ
CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG – GIAI ĐOẠN I**

Địa chỉ: xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng

HẢI PHÒNG, THÁNG 05 NĂM 2026



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HỒNG VẠN

**********

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA DỰ ÁN

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT KẾT CẤU THÉP VÀ
CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG – GIAI ĐOẠN I**

Địa chỉ: xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HỒNG VẠN**



PHÓ GIÁM ĐỐC

Phan Ngọc Tuấn

HẢI PHÒNG, THÁNG 05 NĂM 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	iv
DANH MỤC HÌNH	iv
MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	3
1. Tên chủ dự án đầu tư:	3
2. Tên dự án đầu tư:.....	3
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:.....	3
<i>3.1. Công suất của dự án đầu tư:</i>	<i>3</i>
<i>3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:</i>	<i>4</i>
<i>3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:</i>	<i>5</i>
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:	6
<i>4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu:</i>	<i>6</i>
<i>4.2. Nguồn cung cấp điện và nhu cầu sử dụng điện</i>	<i>6</i>
<i>4.3. Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng nước.....</i>	<i>6</i>
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	8
<i>5.1. Vị trí thực hiện dự án</i>	<i>8</i>
<i>5.2. Các hạng mục công trình của dự án.....</i>	<i>9</i>
<i>5.3. Vốn đầu tư thực hiện dự án</i>	<i>14</i>
<i>5.5. Tổ chức quản lý và thực hiện.....</i>	<i>15</i>
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	16
1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch thành phố, phân vùng môi trường.....	16
2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải	17
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	18
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	18
<i>1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....</i>	<i>18</i>
<i>1.2. Thu gom, thoát nước thải.....</i>	<i>20</i>

1.3. Xử lý nước thải	21
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	30
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	32
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	32
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	32
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	33
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	34
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào hoạt động ổn định	34
6.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải	35
6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với kho chứa chất thải	35
6.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ	35
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	36
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	39
1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải.....	39
1.1. Nguồn phát sinh nước thải	39
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa	39
1.3. Dòng nước thải	39
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	39
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	40
2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	40
2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:	40
2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:.....	40
2.3. Giá trị giới hạn về tiếng ồn, độ rung:.....	40
CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	42
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.....	42
1.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến.....	42
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	42

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	43
3. Chương trình giám sát khác.....	44
3.1. Giám sát chất thải rắn :	44
3.2. Giám sát CTNH	44
CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	45
PHỤ LỤC	46

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án	7
Bảng 1.2. Tọa độ vị trí khu vực thực hiện dự án.....	9
Bảng 1.3. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án	9
Bảng 1.4. Thiết kế mạng lưới cấp nước của dự án.....	12
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước mưa	18
Bảng 3.2. Vị trí và thể tích các bể tự hoại	22
Bảng 3.3. Các hạng mục công trình của HTXLNT công suất 100m ³ /ngày.đêm	26
Bảng 3.4. Danh mục máy móc, thiết bị của HTXLNT công suất 100m ³ /ngày.đêm	27
Bảng 3.5. Các loại chất thải nguy hại dự kiến phát sinh trong giai đoạn vận hành	33
Bảng 3.6. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM.....	37
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm.....	39
Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn	41
Bảng 4.3. Giá trị tối đa cho phép về mức độ rung.....	41
Bảng 5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.....	42
Bảng 5.2. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình	43

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình cho thuê văn phòng, nhà xưởng	4
Hình 1.2. Khối 5 nhà xưởng	5
Hình 1.3. Trạm điện.....	6
Hình 1.4. Bên trong nhà xưởng	6
Hình 1.5. Vị trí thực hiện dự án.....	8
Hình 1.6. Sơ đồ tổ chức quản lý Dự án	15
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Nhà máy	19
Hình 3.2. Hệ thống ống thu gom, thoát nước mưa của dự án	20
Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt.....	21
Hình 3.4. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	22
Hình 3.5. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn.	22
Hình 3.6. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy	24
Hình 3.7. Trạm xử lý nước thải công suất 100 m ³ /ngày đêm của nhà máy	30

MỞ ĐẦU

Công ty TNHH thương mại và sản xuất vật liệu xây dựng Đông Dương 3 được thành lập từ năm 2010, có địa chỉ trụ sở chính tại thôn Đức Hỷ, xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (địa chỉ cũ). Hoạt động chính của công ty kể từ khi thành lập đến nay là sản xuất gạch công nghệ dẻo và bán dẻo. Năm 2020, Công ty đã được UBND tỉnh Hải Dương (cũ) phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng tại xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng) trên phần diện tích đất 49.566 m².

Năm 2020, Dự án đã được UBND tỉnh Hải Dương (cũ) Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 quyết định chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng của Công ty TNHH thương mại và sản xuất vật liệu xây dựng Đông Dương 3; điều chỉnh lần thứ nhất tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 19/01/2024. Quy mô của dự án bao gồm:

- Sản xuất kết cấu thép và thiết bị công nghiệp, quy mô: Kết cấu thép 5.000 tấn/năm; xà gồ 2.000 tấn/năm; thiết bị công nghiệp 2.000 tấn/năm.

- Cho thuê văn phòng, diện tích cho thuê 600 m²; cho thuê nhà xưởng, diện tích cho thuê 15.000 m² (sản xuất những ngành nghề không bị pháp luật cấm, các ngành nghề không thuộc danh mục hạn chế thu hút đầu tư và không thu hút đầu tư theo Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành Danh mục dự án thu hút đầu tư, hạn chế thu hút đầu tư và không thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2024 - 2030). Ngoài ra, khi cho thuê nhà xưởng, Công ty TNHH thương mại và sản xuất vật liệu xây dựng Đông Dương 3 sẽ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt cho tất cả các đơn vị thuê nhà xưởng.

Công ty đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng” và đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 03/10/2024.

Tuy nhiên, do thay đổi kế hoạch đầu tư cũng như thị trường sản xuất, tháng 9/2024 Công ty TNHH thương mại và sản xuất vật liệu xây dựng Đông Dương 3 đã tách công ty và chuyển toàn bộ dự án “Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng” cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Hồng Vận. Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Hồng Vận đã được Sở Tài chính thành phố Hải Phòng – Phòng Đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801428679, chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 13/9/2024, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26/11/2025.

Năm 2025, Công ty Hồng Vận cũng đã xin điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh về nhà đầu tư và thông tin về nhà đầu tư và được UBND tỉnh Hải Dương (cũ) chấp thuận tại Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 01/4/2025, không thay đổi về quy mô cũng như mục tiêu sản xuất.

Năm 2026, căn cứ tình hình triển khai thực tế của dự án, sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng các hạng mục công trình, Công ty nhận thấy nhu cầu thuê nhà xưởng trên địa bàn tăng cao, trong khi nhu cầu sản xuất kết cấu thép và thiết bị công nghiệp có xu

hướng giảm so với dự kiến ban đầu.

Do đó, việc điều chỉnh giảm quy mô sản xuất và tăng diện tích cho thuê nhà xưởng nhằm nâng cao hiệu quả khai thác tài sản, phù hợp với điều kiện thị trường, đảm bảo hiệu quả đầu tư và khả năng thu hồi vốn của dự án.

Việc điều chỉnh không làm thay đổi mục tiêu tổng thể của dự án, không làm tăng diện tích sử dụng đất, không làm phát sinh tác động xấu đến môi trường và vẫn phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Quy mô điều chỉnh như sau:

- Sản xuất kết cấu thép và thiết bị công nghiệp, quy mô: Kết cấu thép: 1.000 tấn/năm; xà gồ: 500 tấn/năm; thiết bị công nghiệp: 1.000 tấn/năm.

- Cho thuê văn phòng diện tích cho thuê 600 m²; cho thuê nhà xưởng diện tích cho thuê 23.000 m² (Chủ dự án sẽ thực hiện cho thuê các nhà xưởng số 1,2,3,5 và một phần nhà xưởng số 4).

Công ty Hồng Vận đã xin điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh về quy mô dự án và được Sở Tài chính thành phố Hải Phòng hướng dẫn tại văn bản số 3625/STC-QLĐTNNNS ngày 24/4/2026 về việc thực hiện thủ tục điều chỉnh Dự án Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng của Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Hồng Vận.

Hiện nay Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Hồng Vận đã xây dựng hoàn thiện 05 nhà xưởng chính và các hạng mục phụ trợ. Tuy nhiên hiện nay đối với dây chuyền sản xuất kết cấu thép, thiết bị công nghiệp và dây chuyền sản xuất xà gồ của dự án vẫn chưa lắp đặt và chưa có kế hoạch sản xuất, chủ dự án sẽ đưa vào hoạt động trước phần nhà xưởng cho thuê và chuẩn bị cho giai đoạn vận hành thử nghiệm nhà máy. Do đó, trong phạm vi báo cáo chỉ thực hiện xin cấp phép cho mục tiêu cho thuê nhà xưởng.

Phân loại dự án theo tiêu chí về môi trường: Dự án thuộc nhóm III theo quy định tại Khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Dự án tăng diện tích cho thuê nhà xưởng, tuy nhiên giảm quy mô sản xuất kết cấu thép, xà gồ và thiết bị công nghiệp.

Dự án không thuộc đối tượng phải đánh giá tác động môi trường khi có sự thay đổi về quy mô, công suất dự án quy định tại Điều 27 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

Dự án thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án được viết theo mẫu số 22b của Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư:

- Chủ đầu tư: **Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Hồng Vận** ;
- Địa chỉ: Xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng;
- Người đại diện: Ông Đỗ Hồng Thái Chức vụ: Giám đốc;
- Sinh ngày: 10/09/1982 Quốc tịch: Việt Nam;
- Địa chỉ liên lạc: Thôn Đặng Xá, xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Mã số doanh nghiệp 0801428679, do Sở Tài chính thành phố Hải Phòng – Phòng Đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp cấp chứng nhận lần đầu ngày 13/9/2024, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 26/11/2025.
- Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh Hải Dương (cũ) về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng (điều chỉnh lần thứ hai).

2. Tên dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư: **Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng**
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng.
- Cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư: UBND thành phố Hải Phòng.
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: Sở Xây Dựng.
- Cơ quan cấp các loại giấy phép liên quan đến môi trường của dự án đầu tư: UBND thành phố Hải Phòng.
- Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 của UBND tỉnh Hải Dương (cũ) về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án “*Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng*”.
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 – phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án có tổng mức vốn đầu tư là 111.065.000.000 VND, thuộc nhóm B (dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức vốn đầu tư từ 90 tỷ đến dưới 1.600 tỷ).
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất kết cấu thép và thiết bị công nghiệp; cho thuê văn phòng.
- Phân nhóm dự án đầu tư: Dự án thuộc số thứ tự 2 phụ lục V ban hành kèm theo nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 6/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 08/2022/NĐ-CP nên dự án thuộc nhóm III.

Báo cáo đề nghị cấp giấy phép của dự án được viết theo mẫu 22b của Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Sản phẩm của dự án là kết cấu thép, xà gồ, thiết bị công nghiệp và nhà xưởng, văn phòng cho thuê với quy mô như sau:

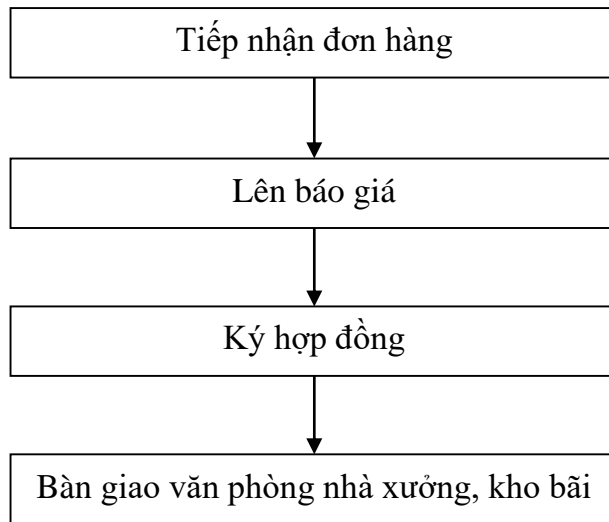
- Sản xuất kết cấu thép và thiết bị công nghiệp, quy mô: Kết cấu thép: 1.000 tấn/năm; xà gồ: 500 tấn/năm; thiết bị công nghiệp: 1.000 tấn/năm.

- Cho thuê văn phòng diện tích cho thuê 600 m²; cho thuê nhà xưởng diện tích cho thuê 23.000 m².

Phạm vi xin cấp phép của dự án là: Cho thuê văn phòng, diện tích cho thuê 600 m²; cho thuê nhà xưởng, diện tích cho thuê 23.000 m².

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

Quy trình cho thuê nhà xưởng cụ thể như sau:



Hình 1.1. Quy trình cho thuê văn phòng, nhà xưởng

Tận dụng tối đa các hạng mục công trình đã xây dựng, chủ dự án dự kiến cho thuê nhà xưởng, nhà văn phòng, các công trình phụ trợ của dự án. Công ty Hồng Vận sẽ thực hiện cho thuê đối với các doanh nghiệp có danh mục ngành nghề được phép đầu tư tại Việt Nam và khu vực, không thuộc danh mục hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp luật. Dự kiến số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại khu vực nhà xưởng cho thuê là 1.000 người.

Đơn vị thuê lại nhà xưởng có trách nhiệm về bảo vệ môi trường như sau:

- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường và có trách nhiệm lập hồ sơ môi trường cho dự án độc lập theo quy định.

- Đối với nước thải: ưu tiên doanh nghiệp chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, nếu phát sinh nước thải sản xuất cần tự xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Đối với khí thải và chất thải: Đơn vị thuê nhà xưởng tự chịu trách nhiệm thu gom, xử lý khí thải và chất thải phát sinh.

- Đối với hệ thống thu gom, thoát nước mưa: Công ty Hồng Vận đã xây dựng hệ thống thu gom nước mưa cho toàn bộ dự án.

- Đối với hệ thống thu gom, thoát nước thải: Công ty Hồng Vận đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt và có 01 hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m³/ngày.đêm.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Sản phẩm của dự án là kết cấu thép, xà gồ, thiết bị công nghiệp và nhà xưởng, văn phòng cho thuê với quy mô như sau:

- Sản xuất kết cấu thép và thiết bị công nghiệp, quy mô: Kết cấu thép: 1.000 tấn/năm; xà gồ: 500 tấn/năm; thiết bị công nghiệp: 1.000 tấn/năm.

- Cho thuê văn phòng diện tích cho thuê 600 m²; cho thuê nhà xưởng diện tích cho thuê 23.000 m².

Phạm vi xin cấp phép của dự án là: Cho thuê văn phòng, diện tích cho thuê 600 m²; cho thuê nhà xưởng, diện tích cho thuê 23.000 m².

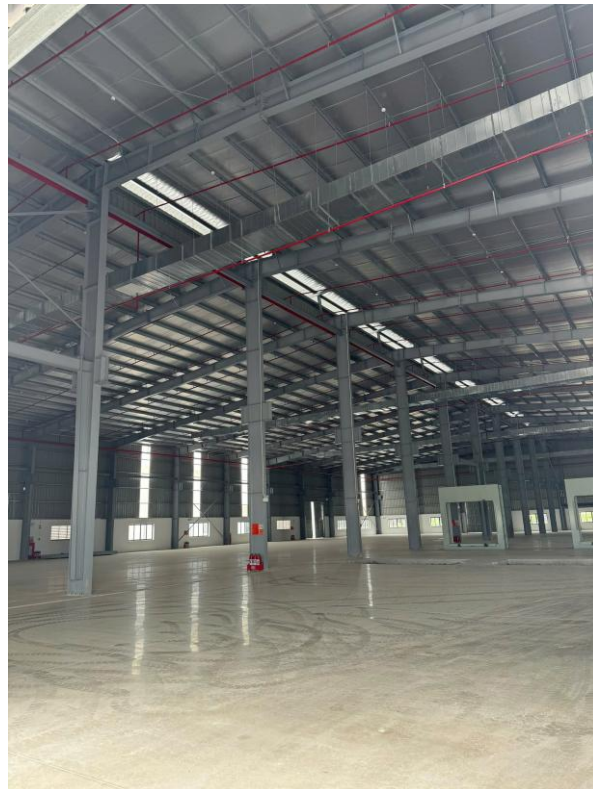
*** Hình ảnh thực tế các công trình đã xây dựng của dự án:**



Hình 1.2. Khối 5 nhà xưởng



Hình 1.3. Trạm điện



Hình 1.4. Bên trong nhà xưởng

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu:

Trong giai đoạn I, dự án chưa thực hiện sản xuất do đó chưa sử dụng nguyên vật liệu cho sản xuất.

4.2. Nguồn cung cấp điện và nhu cầu sử dụng điện

a) Nguồn cung cấp điện:

Nguồn điện cung cấp cho dự án được lấy từ đường điện của khu vực cấp vào trạm biến áp. Để đảm bảo đủ công suất cấp điện cho toàn bộ dự án, công ty đã lắp đặt 01 trạm biến áp có công suất 1.600 kVA.

b) Nhu cầu sử dụng điện:

Trong giai đoạn I, điện năng được sử dụng chủ yếu cho quá trình sản xuất và một phần dùng cho sinh hoạt của đơn vị thuê nhà xưởng. Tổng điện năng tiêu thụ ước tính 3.840.000 kWh/năm.

4.3. Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng nước

a) Nguồn cung cấp nước:

Nguồn nước cấp cho dự án được đấu nối từ đường ống cấp nước của khu vực cấp vào hồ điều hòa, bể nước ngầm của dự án. Nước sinh hoạt riêng của từng công trình được cấp tự chảy từ đường ống cấp nước và hệ thống bơm trực tiếp từ bể chứa. Nước cấp cho PCCC được lấy từ hồ điều hòa và bể nước ngầm, được bơm bằng máy bơm đến từng vị trí họng chữa cháy.

b) Nhu cầu sử dụng nước:

- Nước sạch được sử dụng cho các mục đích sau: tưới cây, rửa đường; nước cấp cho phòng cháy chữa cháy và nước cấp cho các đơn vị thuê nhà xưởng.

✚ Nước cấp cho các đơn vị thuê văn phòng, nhà xưởng:

- Với diện tích thuê nhà xưởng tăng lên so với báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, lượng nước cấp phục vụ cho sinh hoạt của các đơn vị thuê văn phòng, nhà xưởng được tính toán với số người sử dụng ước tính tăng lên khoảng 1.000 người, với định mức 75 lít/người/ngày đêm. Như vậy nước cấp cho sinh hoạt là khoảng 75 m³/ngày đêm.

- Nước cấp cho sản xuất của các nhà xưởng cho thuê: Diện tích nhà xưởng cho thuê là khoảng 23.000 m², áp dụng định mức 35 m³/ha/ngày đêm thì lượng nước cấp dự kiến là 80,5 m³/ngày đêm.

✚ Nước cấp cho tưới cây:

Theo TCVN 13606:2023: Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Yêu cầu thiết kế (Bảng 3, mục 5.1.3), nhu cầu sử dụng nước trung bình cho 01 lần tưới cây là 3 lít/m², tương đương 0,003 m³/m².

Diện tích xây xanh của Nhà máy là 9.921 m². Như vậy, lượng nước sử dụng cho tưới cây trong một lần là:

$$Q_{\text{tưới cây}} = 0,003 \times 9.921 = 29,76 \text{ m}^3/\text{lần}$$

✚ Nước cấp cho tưới, rửa sân đường giao thông:

Theo TCVN 13606:2023: Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Yêu cầu thiết kế (Bảng 3, mục 5.1.3), nhu cầu nước trung bình cho 01 lần tưới, rửa đường là 0,5 lít/m², tương đương 0,0005 m³/m².

Nhà máy sẽ tiến hành rửa đường vào những ngày khô hanh, trung bình mỗi ngày khô hành tưới đường 1 lần. Diện tích sân đường giao thông nội bộ là 10.464,67 m². Như vậy, lượng nước tưới đường sử dụng trong một lần là:

$$Q_{\text{rửa đường}} = 0,0005 \times 10.464,67 = 5,23 \text{ m}^3/\text{lần}$$

✚ Nước dùng cho phòng cháy chữa cháy:

Theo TCVN 2622: 1995 về thiết kế phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình, lưu lượng nước cấp cho một đám cháy đảm bảo ≥10 lít/s và số lượng đám cháy đồng thời cần được tính toán ≥1.

Dự án có diện tích <150 ha thì tính cho 2 đám cháy xảy ra đồng thời, lưu lượng nước chữa cháy trong 3 giờ liên tục. Hệ số quy đổi 1 lít/s = 3,6 m³/h thì dung tích bể chứa nước dự trữ cho chữa cháy là:

$$Q_{\text{cc}} = 2 \times 3 \times 10 \times 3,6 = 216 \text{ (m}^3\text{)}.$$

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của toàn dự án như sau:

Bảng 1.1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án

TT	Mục đích	Đơn vị	Số lượng
1	Nước cấp cho sinh hoạt của các đơn vị thuê văn phòng, nhà xưởng	m ³ /ngày.đêm	75

Bảng 1.2. Tọa độ vị trí khu vực thực hiện dự án

Số hiệu mốc	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)	Chiều dài (m)
1	2320770.84	565864.87	149.22 12.53 221.32 121.53 269.38 5.89 160.70 127.79
2	2320664.33	565969.38	
3	2320654.25	565961.94	
4	2320505.08	566125.44	
5	2320392.87	566078.78	
6	2320569.40	565875.31	
7	2320574.83	565873.03	
8	2320692.70	565763.79	
1	2320770.84	565864.87	

Nguồn: Bản đồ hiện trạng – Quy hoạch 1/500 của dự án

❖ *Khoảng cách tới khu dân cư và khu vực nhạy cảm về môi trường:*

- Xung quanh khu vực dự án chủ yếu là đất trồng lúa nước, đất thủy lợi của xã Cẩm Giàng và xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên.

- Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư gần nhất: Vị trí thực hiện dự án nằm cách khu dân cư thôn Đức Hỷ, xã Cẩm Giàng khoảng 350m về phía Tây Bắc; cách khu dân cư xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên khoảng 600m về phía Đông Bắc.

- Các công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử: Dự án nằm cách chùa Thiên Phúc khoảng 1,2km về phía Đông Bắc.

Nhìn chung, xung quanh khu vực thực hiện dự án không có các đối tượng nhạy cảm về môi trường.

5.2. Các hạng mục công trình của dự án

Tổng diện tích khu đất của dự án là 49.566 m², trong đó diện tích đất dùng cho xây dựng công trình là 27.030 m², bao gồm các hạng mục công trình sau:

Bảng 1.3. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án

TT	Tên hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Tỷ lệ (%)	Tình trạng
I	Các công trình xây dựng	27.100,03		54,67	Xây dựng hoàn thiện
1	Cổng chính	-	-		
2	Cổng phụ	-	-		
3	Nhà bảo vệ	40	1		
4	Nhà ăn ca số 1	300	1		
5	Nhà để xe văn phòng	154	1		

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng” (giai đoạn I)*

TT	Tên hạng mục	Diện tích xây dựng (m²)	Số tầng	Tỷ lệ (%)	Tình trạng
6	Nhà để xe công nhân số 1	648	1		
7	Nhà để xe công nhân số 2	330	1		
8	Nhà điều hành	480,72	3		
9	Nhà xưởng số 1 (cho thuê)	4.988	1		
10	Nhà xưởng số 2 (cho thuê)	4.988	1		
11	Nhà xưởng số 3 (cho thuê)	4.988	1		
12	Nhà xưởng số 4 (cho thuê 1 phần)	4.988	1		
13	Nhà xưởng số 5 (cho thuê)	4.988	1		
14	Nhà vệ sinh số 1	36,21	1		
15	Nhà vệ sinh số 2	36,21	1		
16	Hồ điều hòa + PCCC	284	-		
17	Nhà trạm bơm PCCC	20,91	1		
18	Khu vực XLNT + nhà trạm	83,98	1		
19	Khu vực trạm biến áp - trạm treo	-	-		
20	Kho chất thải nguy hại và chất thải thường	30	1		
II	Đường giao thông nội bộ	10.464,67	-	21,12	
III	Bồn hoa, cây xanh	9.921	-	20,02	
IV	Đất hành lang đường điện	1.796,3	-	3,62	
Tổng diện tích đất		49.566 m²		100	

Nguồn: Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Hồng Vận

5.2.1. Các hạng mục công trình xây dựng chính của dự án

a) Các hạng mục công trình xây dựng chính

Công trình kiến trúc của dự án được xây dựng dựa trên tiêu chí đơn giản, vững chắc, có tính thẩm mỹ cao nhưng vẫn đảm bảo vệ sinh công nghiệp, an toàn phòng cháy chữa cháy, thuận tiện trong việc xuất nhập nguyên liệu, sản phẩm ra vào dự án. Các hạng mục chính của dự án được thiết kế như sau:

*** Nhà điều hành:**

- Công trình quy mô 03 tầng, diện tích xây dựng: 480,72 m². Chiều cao công trình là 15,45m tính từ cốt tự nhiên. Trong đó: nền cao 0,45; tầng 1 cao 4,2m; tầng 2, tầng 3 cao 3,9m; tum mái cao 3,0m.

- Phần móng: Sử dụng móng cọc vuông bê tông cốt thép, kích thước 250x250mm để gia cố nền móng, đài móng sử dụng bê tông đá 1x2 mác 300. Lót móng bằng bê tông đá

4x6 mác 100 dày 100. Dầm móng, cột đỡ bê tông cốt thép mác 250 đá 1x2. Tường móng xây gạch vữa xi măng mác 75.

- Phần thân: Sử dụng kết cấu khung chịu lực BTCT đá 1x2 mác 250. Tường bao che xây gạch VXM M75. Sàn tầng 2 và sàn mái đỡ bê tông mác 250 đá 1x2 dày 120.

- Phần hoàn thiện: Tường nhà trát VXM mác 75 dày 15mm, dầm trần trát VXM mác 75 dày 15mm, hoàn thiện quét sơn 3 nước. Ốp lát dùng gạch Ceramic. Cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm hệ Xingfa 55x60 dày 2,0 kính an toàn dày 6,38 ly. Cửa chính sử dụng cửa đẩy thủy lực kính cường lực dày 12 ly.

*** Nhà xưởng số 1 - 5:**

- Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng mỗi nhà xưởng là 4.988,0m²; chiều cao công trình 10,9m (cột nền nhà +0,2m so với cốt mặt sân). Kết cấu móng cọc bê tông ly tâm (mũi cọc đặt vào lớp cát thô vừa, màu xám ghi, nâu vàng, trạng thái chặt vừa), đài cọc và giằng đài bê tông cốt thép mác 250.

- Kết cấu phần thân khung thép tiền chế, cột thép chính H(400-950)x300x6x12, H(300-750)x250x6x12, H320x188x6x10; kèo thép chính H250x150x6x10; mái nhà xưởng lợp tôn.

- Công năng của từng nhà xưởng:

+ Nhà xưởng số 1, 2, 3, 5 được sử dụng để cho thuê.

+ Nhà xưởng số 4: cho thuê 1 phần (khoảng 3.048m²), phần còn lại bố trí nhà kho và dây chuyền sản xuất kết cấu thép và thiết bị công nghiệp của dự án (hiện nay chưa lắp đặt dây chuyền máy móc, thiết bị).

5.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

*** Nhà bảo vệ:**

Diện tích xây dựng 40m², kích thước 4x10m, chiều cao công trình 3,6m. Kết cấu tường khung cột chịu lực, dầm bo xung quanh, sàn bê tông cốt thép. Móng đơn bê tông cốt thép, kích thước 1,2x1,2m, mác 250. Tường xây gạch bê tông không nung, VXM mác 75, dày 220mm. Sàn mái đỡ bê tông cốt thép, mác 250, dày 100mm.

*** Nhà để xe văn phòng:**

Diện tích xây dựng 154m², kích thước 7x22m, chiều cao công trình 3,3m. Xung quanh có lan can thép tròn bao quanh. Kết cấu nhà xe là kết cấu khung cột thép chịu lực, cột thép tròn kết hợp với hệ thống xà gồ, mái tôn. Nền bê tông mác 200.

*** Nhà để xe công nhân 1, 2:**

Diện tích xây dựng lần lượt là 648m² (kích thước 6,48x100m) và 330m² (kích thước 5,5x60m), chiều cao công trình 3,3m. Xung quanh có lan can thép tròn bao quanh. Kết cấu nhà xe là kết cấu khung cột thép chịu lực, cột thép tròn kết hợp với hệ thống xà gồ, mái tôn. Nền bê tông mác 200.

*** Hồ điều hòa + PCCC:**

Diện tích 284m², cao độ đỉnh tường chắn +0,8m so với cốt mặt sân; cao độ đáy hồ - 2,00 m so với cốt mặt sân; kết cấu tường chắn xây gạch chỉ đặc.

*** Nhà vệ sinh số 1,2:**

Diện tích xây dựng mỗi nhà là 36,21m², kích thước 5,1x7,1m, chiều cao công trình 3,6m. Kết cấu tường khung cột chịu lực, dầm bo xung quanh, sàn bê tông cốt thép. Móng đơn bê tông cốt thép, kích thước 1,2x1,2m, mác 250. Tường xây gạch bê tông không nung, VXM mác 75, dày 220mm. Sàn mái đổ bê tông cốt thép, mác 250, dày 100mm.

*** Hệ thống cấp nước và PCCC:**

Nguồn nước cấp cho dự án được đầu nối từ đường ống cấp nước của khu vực cấp vào hồ điều hòa, bể nước ngầm của dự án và tới các nhà bằng đường ống nhựa HDPE D50 đi ngầm, với tổng chiều dài 490m.

Nước sinh hoạt riêng của từng công trình được cấp tự chảy từ đường ống cấp nước và hệ thống bơm trực tiếp từ bể chứa.

Nước cấp cho PCCC được lấy từ hồ điều hòa và bể nước ngầm, được bơm bằng máy bơm qua ống nhựa HDPE D180 với tổng chiều dài 900m chôn ngầm đến từng vị trí họng chữa cháy.

Bảng 1.4. Thiết kế mạng lưới cấp nước của dự án

TT	Vật tư – thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Đường ống nhựa HDPE D180	m	900
2	Đường ống nhựa HDPE D50	m	490
3	Đồng hồ đo lưu lượng	cái	01
4	Trụ nước chữa cháy ngoài nhà	cái	04
5	Trụ tiếp nước chữa cháy ngoài nhà	cái	01

*** Trạm biến áp, hệ thống cấp điện:**

- Nguồn điện lấy từ đường điện của khu vực cấp vào trạm biến áp. Để đảm bảo đủ công suất cấp điện cho hoạt động của dự án và các đơn vị thuê nhà xưởng, Công ty đã bố trí 01 trạm biến áp công suất 1.600 KVA-22/0,4KV.

- Giải pháp thiết kế mạng lưới điện:

+ Đường dây điện được thiết kế cáp vặn xoắn chôn ngầm luôn trong ống nhựa chịu lực, được chôn dưới đất ở độ sâu 1m so với mặt đường.

+ Đặt tủ điều khiển chiếu sáng tự động, đóng ngắt chế độ 1:3 ở đầu mạng lưới điện chiếu sáng. Hệ thống điều khiển chế độ đèn hoạt động được cả bằng tay. Tủ điều khiển chiếu sáng đặt tại nhà điều hành, văn phòng.

+ Đường điện từ trạm biến áp đến các nhà dùng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA 4x120; 4x70 và 4x10.

*** Sân đường nội bộ:**

Đường giao thông nội bộ có kết cấu điển hình từ trên xuống dưới như sau: Lớp bê tông nhựa Asphalt, dày 200mm; lớp ni lông chống thấm; lớp đệm đá dăm cấp phối dày 150mm đầm chặt $k=0,95$; lớp cát san nền.

5.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

*** Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:**

- Nước mưa từ mái được dẫn xuống cống thoát nước thông qua hệ thống các ống nhựa PVC D110. Hệ thống thoát nước mưa gồm các hố ga, các tuyến cống D600, D800 bằng BTCT được xây dựng dọc theo tuyến đường nội bộ của công ty. Hệ thống cống bê tông thoát nước trong toàn bộ Nhà máy được thiết kế với độ dốc $I = 0,2\%$, với tổng chiều dài 1.380m, chạy dọc theo hướng thoát nước chính nhằm đảm bảo tính tự chảy tốt, thoát nhanh và không gây ngập úng vào những ngày có cường độ mưa lớn.

- Trên hệ thống thu gom nước mưa, bố trí các hố ga kích thước 1,0m x 1,0m được xây dựng bằng gạch, nắp hố ga được xây dựng bằng bê tông cốt thép. Trên mạng lưới thoát nước mưa bố trí 56 hố ga, khoảng cách giữa các hố ga từ 10 - 30m.

- Nước mưa từ dự án được đầu nối vào mương thoát nước chung của khu vực tại 03 điểm đầu nối.

*** Hệ thống thu gom, thoát nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt tại các khu vực nhà vệ sinh của nhà bảo vệ, nhà điều hành, nhà xưởng sản xuất được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn. Nước thải từ khu nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ được dẫn theo hệ thống đường ống PVC D160, với tổng chiều dài 660m được thiết kế trên nguyên tắc tự chảy với độ dốc $I = 0,2\%$, đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án.

- Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý được dẫn theo hệ thống đường ống PVC D160 với tổng chiều dài 120m, được thiết kế trên nguyên tắc tự chảy với độ dốc $I = 0,2\%$, đầu nối vào mương thoát nước chung của khu vực tại 01 điểm đầu nối.

*** Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:**

Công ty đã đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế 100 m³/ngày đêm để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án và nước thải sinh hoạt của các đơn vị thuê văn phòng, nhà xưởng. Nước thải sinh hoạt sau hệ thống XLNT đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, hệ số $K = 1,0$) trước khi đầu nối vào mương thoát nước chung của khu vực.

Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Đầu nối vào mương thoát nước của khu vực.

*** Công trình lưu giữ chất thải rắn và CTNH:**

Công ty xây dựng 01 kho chứa có diện tích 30 m² để lưu giữ CTR công nghiệp thông thường và CTNH phát sinh trong quá trình sản xuất. Khu vực lưu giữ rác thải được chia làm 2 ngăn, trong đó: Khu vực lưu giữ CTNH có diện tích 20 m² và khu vực lưu giữ CTR công nghiệp thông thường có diện tích 10 m².

*** Công trình xử lý chất thải của các đơn vị thuê nhà xưởng:**

Các đơn vị vào thuê nhà xưởng có trách nhiệm thực hiện các thủ tục môi trường theo quy định của pháp luật và phải tự lắp đặt các công trình xử lý chất thải (nếu có), bao gồm: hệ thống xử lý bụi, khí thải, hệ thống xử lý nước thải sản xuất, kho lưu giữ rác thải trong phạm vi khu vực nhà xưởng đã thuê.

Công ty chỉ thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các đơn vị thuê xưởng để xử lý tại trạm XLNT tập trung công suất 100 m³/ngày đêm.

5.2.4. Các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; các công trình bảo vệ môi trường khác

- **Cây xanh:** Cây xanh được trồng xung quanh tường rào, giữa các khu vực nhà xưởng. Cây trồng trong khuôn viên Dự án đa phần là cây thân gỗ có tán thấp để tạo bóng mát và cảnh quan cho Công ty, nhằm tạo không gian xanh sạch đẹp, tăng tính mỹ quan và môi trường làm việc, đồng thời góp phần giảm thiểu bụi, tiếng ồn và đảm bảo vệ sinh môi trường sinh thái.

- Hệ thống PCCC:

Để đảm bảo an toàn cho công tác phòng cháy và chữa cháy, chủ dự án xây dựng phương án bố trí mặt bằng xây dựng, thiết kế kiến trúc đến trang bị máy móc, thiết bị đều đảm bảo sự an toàn tối đa. Ngoài ra chủ dự án còn có phương án thiết lập hệ thống phòng cháy chữa cháy theo các tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành.

- + Lắp đặt hệ thống các đèn báo hiệu, chuông báo cháy, trung tâm báo cháy
- + Trạm bơm cấp nước chữa cháy.
- + Hệ thống báo cháy tự động; tường và cửa ngăn cháy.
- + Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà.
- + Các thiết bị chữa cháy ban đầu: Bình bột ABC, bình khí CO₂.
- + Hệ thống chữa cháy vách tường.

- Hệ thống chống sét:

Cọc thép bọc đồng tiếp đất, băng đồng liên kết và phụ kiện đầu nối được bố trí theo hệ thống nối đất gồm nhiều điện cực có tác dụng cản năng lượng sét xuống đất an toàn và nhanh chóng. Cọc nối đất bằng thép bọc đồng Ø16 chôn cách nhau 0,5m và liên kết với nhau bằng băng đồng trần 25x3mm. Đầu trên của cọc đóng sâu dưới mặt đất 1,0m và băng đồng trần được đặt trong các rãnh 0,5m sâu 0,8m. Việc liên kết giữa cọc đồng, băng đồng và cáp đồng thoát sét bằng bộ kẹp đặc chủng nối đất tuân theo tiêu chuẩn chống sét hiện hành của pháp luật. Điện trở nối đất chống sét ≤10Ω.

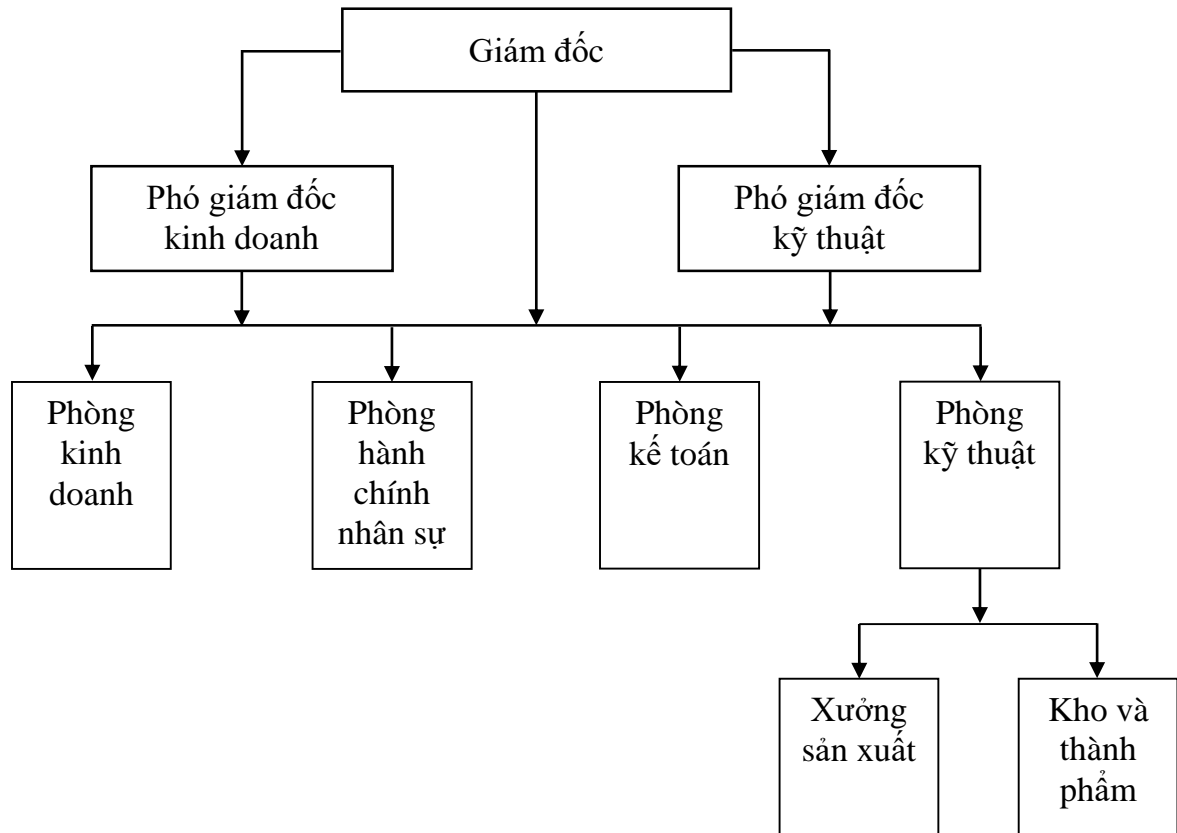
5.3. Vốn đầu tư thực hiện dự án

Tổng vốn đầu tư của dự án là **111.065.000.000 VNĐ** (Một trăm mười một tỷ, không trăm sáu mươi lăm triệu đồng), trong đó:

- + Vốn cố định là: 110.065.000.000 VNĐ (Một trăm mười tỷ, không trăm sáu mươi lăm triệu đồng).
- + Vốn lưu động là: 1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng).

5.5. Tổ chức quản lý và thực hiện

- Tổ chức nhân sự: Tổ chức nhân sự của nhà máy bao gồm Ban điều hành, Ban Giám đốc và bộ phận sản xuất, bộ phận văn phòng. Trong đó giám đốc là người chịu trách nhiệm quản lý và xử lý toàn bộ các hoạt động của nhà máy.



Hình 1.6. Sơ đồ tổ chức quản lý Dự án

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch thành phố, phân vùng môi trường

❖ Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:

Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024.

Mục tiêu của Quy hoạch là chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Trong quá trình thực hiện, Chủ dự án sẽ đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các định hướng, quy định liên quan về bảo vệ môi trường và đảm bảo triển khai tốt các nội dung, nhiệm vụ có liên quan góp phần thực hiện mục tiêu chung về bảo vệ môi trường của quốc gia như đã đề ra trong Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 như:

- Giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động sản xuất: Thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, kiểm soát, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất của dự án; Triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường thích hợp theo phân vùng môi trường; Thực hiện hoạt động quan trắc, theo dõi theo quy định của pháp luật về môi trường, chủ động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại: Tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường và yêu cầu kỹ thuật.

- Thúc đẩy phát triển bền vững: Dự án đi vào hoạt động sẽ tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phát triển công nghiệp theo hướng thân thiện với môi trường; thực hiện xanh hóa các ngành sản xuất công nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất.

❖ Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch vùng:

- Dự án phù hợp với Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, cụ thể:

+ Dự án được thực hiện tại xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (cũ). Tỉnh Hải Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (bao gồm 7 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh).

+ Ngành nghề sản xuất, kinh doanh của dự án là sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp: “Tập trung phát triển, nâng cao năng lực và vị thế của các ngành công nghiệp có lợi thế và khả năng cạnh tranh, có giá trị nội địa hóa cao, có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu như: Điện tử, công nghệ thông tin, viễn thông, cơ khí chế tạo máy; thép chất lượng cao và vật liệu xây dựng mới; ...”.

- Dự án phù hợp với các quyết định phê duyệt quy hoạch vùng huyện Cẩm Giàng, bao gồm:

+ Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cẩm Giàng đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035.

+ Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tính đến thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án, Quy hoạch phân vùng môi trường chưa được phê duyệt. Do vậy báo cáo chưa có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải

Dự án “Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng” được thực hiện tại xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng.

- Nguồn tiếp nhận khí thải: Giai đoạn I của dự án không làm phát sinh khí thải.

- Nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Nước thải phát sinh từ dự án sẽ được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, Cmax với K = 1,0 sau đó thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

+ Mương thoát nước chung của khu vực.

Công ty xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A Cmax với K=1,0 do đó hoàn toàn phù hợp để thải vào nguồn tiếp nhận.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hiện nay, Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại dịch vụ Hồng Vận đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom nước mưa mái và thoát nước mưa bề mặt. Nước mưa từ mái được dẫn xuống cống thoát nước thông qua hệ thống các ống nhựa PVC D110. Hệ thống thoát nước mưa gồm các hố ga, các tuyến cống D600, D800 bằng BTCT được chia thành 6 tuyến thoát nước xây dựng dọc theo tuyến đường nội bộ của công ty. Hệ thống cống bê tông thoát nước trong toàn bộ Nhà máy được thiết kế với độ dốc $I = 0,2\%$, với tổng chiều dài 1.380m, chạy dọc theo hướng thoát nước chính nhằm đảm bảo tính tự chảy tốt, thoát nhanh và không gây ngập úng vào những ngày có cường độ mưa lớn.

- Trên hệ thống thu gom nước mưa, bố trí các hố ga kích thước 1,0m x 1,0m được xây dựng bằng gạch, nắp hố ga được xây dựng bằng bê tông cốt thép. Trên mạng lưới thoát nước mưa bố trí 56 hố ga, khoảng cách giữa các hố ga từ 10 - 30m.

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước mưa

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống tròn BTCT D600	m	1.030
2	Cống tròn BTCT D800	m	350
3	Hố ga	cái	56
4	Điểm xả nước mưa	cái	03

- Nước mưa từ dự án được đầu nối vào mương thoát nước chung của khu vực tại 03 điểm đầu nối.

Tọa độ điểm xả nước mưa:

$$X1 (m) = 2320434.5 \qquad Y1 (m) = 566039.0$$

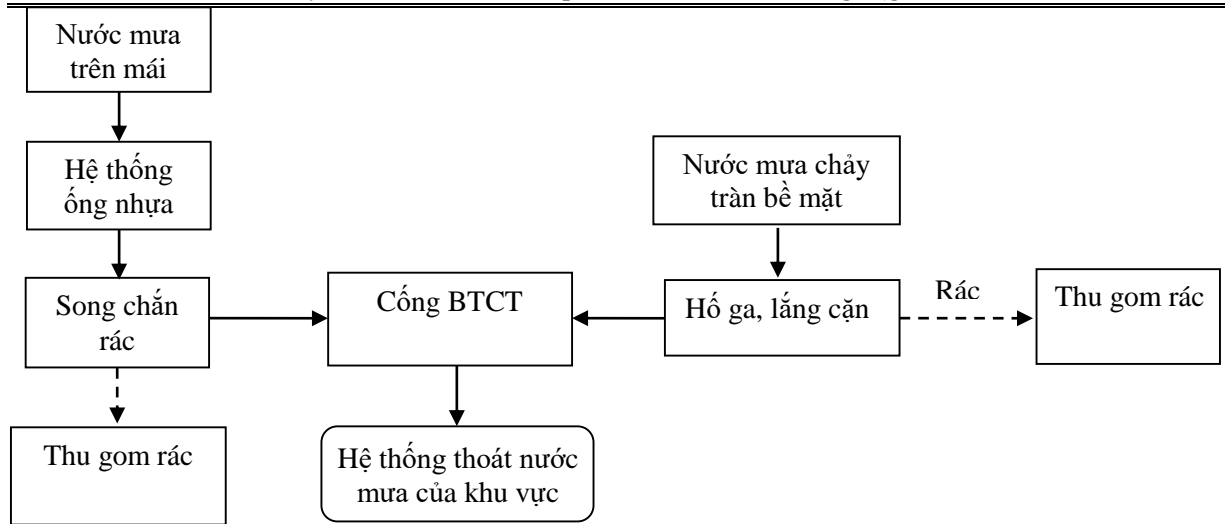
$$X2 (m) = 2320522.5 \qquad Y2 (m) = 565932.8$$

$$X2 (m) = 2320621.7 \qquad Y2 (m) = 565833.1$$

(Hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến 105^0 , múi chiều 3^0)

Ngoài ra, để hạn chế đến mức thấp nhất lượng tạp chất bị cuốn theo nước mưa vào môi trường, Công ty sẽ thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực nhà xưởng, kho bãi và thực hiện tốt công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng” (giai đoạn I)



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Nhà máy



Hệ thống ống thu nước mưa từ mái



Nắp hố ga nước mưa



**Điểm đầu nối nước mưa
số 1**

**Điểm đầu nối nước mưa
số 2**

**Điểm đầu nối nước mưa
số 3**

Hình 3.2. Hệ thống ống thu gom, thoát nước mưa của dự án

1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Thu gom, thoát nước thải

Hệ thống thu gom thoát nước mưa và thoát nước thải của Nhà máy được thiết kế thu gom độc lập. Hệ thống thu gom được thiết kế đảm bảo việc thu gom tách riêng từng loại nước phát sinh.

Nguồn phát sinh nước thải bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của công nhân làm việc tại nhà xưởng cho thuê.
- Nước thải sản xuất của đơn vị thuê nhà xưởng.

❖ Công trình thu gom nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt trong giai đoạn I của Nhà máy chủ yếu từ các khu nhà vệ sinh tại khu vực nhà điều hành, nhà bảo vệ và khu nhà vệ sinh cho công nhân.

Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống dẫn về các bể tự hoại 03 ngăn (05 bể với tổng dung tích 69 m³) để xử lý sơ bộ.

Nước thải sau bể tự hoại chảy vào đường ống dẫn PVC D160, độ dốc I = 0,2%, với tổng chiều dài 660m, đi ngầm chảy về bể xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m³/ngày.đêm để xử lý.

Nước thải sau xử lý đảm bảo chất lượng đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A sau đó thoát ra mương thoát nước của khu vực tại 01 điểm đầu nối.

❖ Công trình thoát nước thải sinh hoạt:

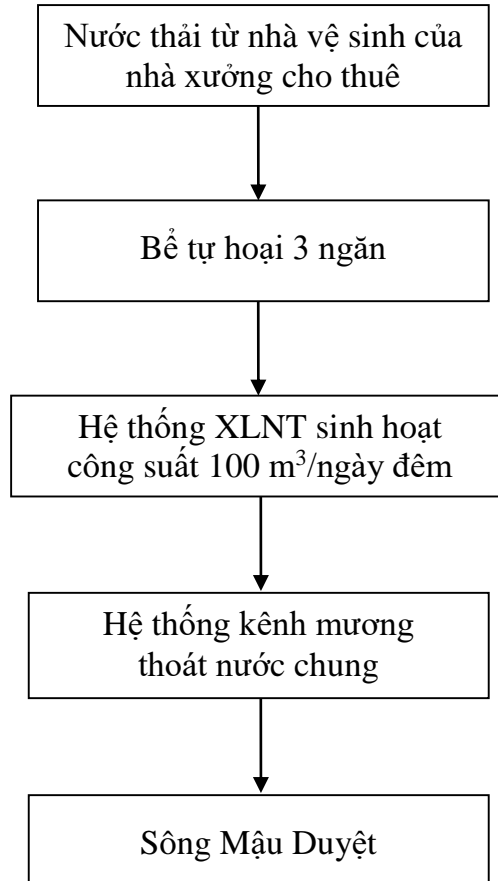
Nước thải sinh hoạt sau khi thu gom và xử lý tại bể xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) được thoát qua tuyến ống PVC D160, độ dốc I = 0,2%, dài 120 m chảy ra mương thoát nước của khu vực tại 01 điểm xả.

+ Vị trí xả thải của dự án có tọa độ :

Tọa độ xả nước thải (*Hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3^o*):

X = 2320678; Y = 565786.

- Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của Nhà máy như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

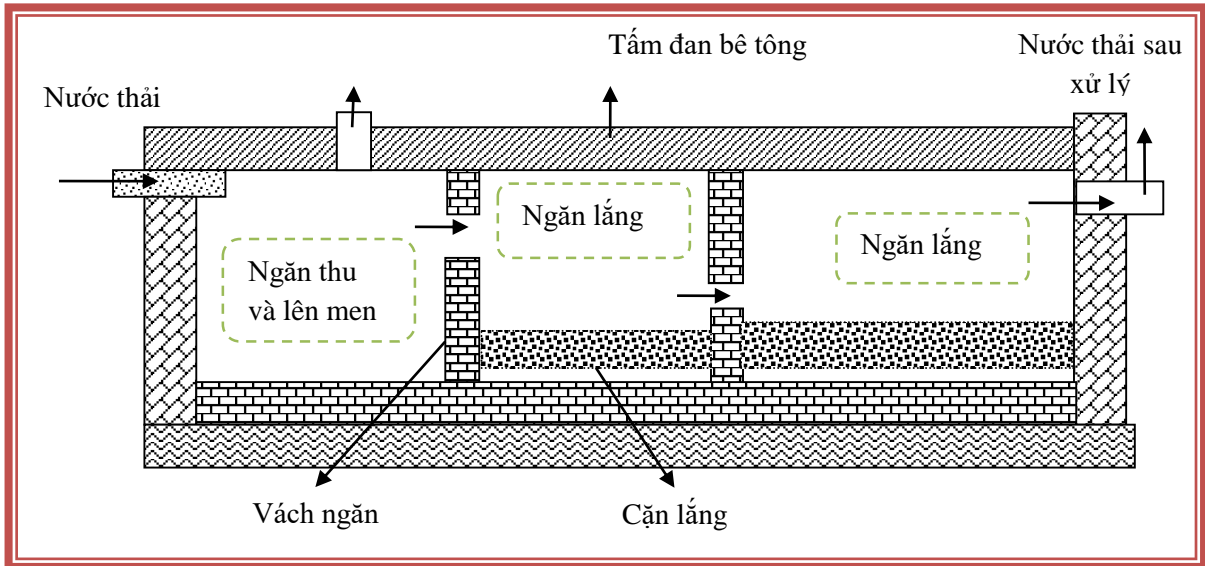
1.2.2. Thu gom, thoát nước thải sản xuất

Chủ đầu tư thứ cấp tự chịu trách nhiệm đầu tư hệ thống thu gom, bể chứa hoặc thiết bị lưu giữ phù hợp trong diện tích nhà xưởng cho thuê. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

1.3. Xử lý nước thải

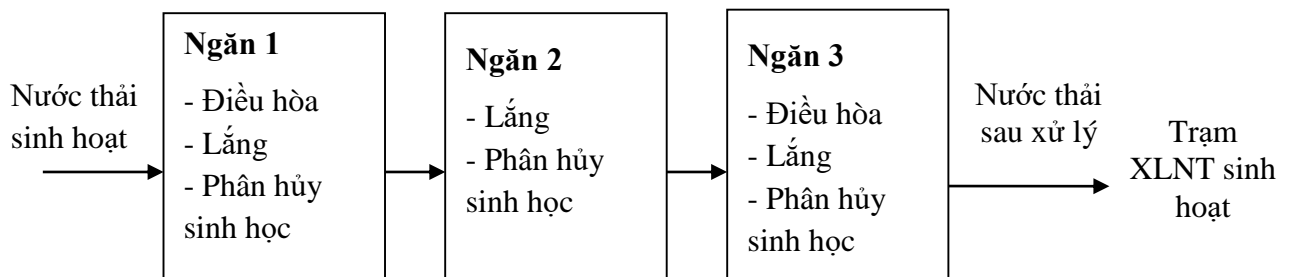
❖ Đối với nước thải từ khu vực nhà vệ sinh:

Toàn bộ nước thải phát sinh từ các khu vực nhà vệ sinh, nhà ăn được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn. Sơ đồ của bể tự hoại 03 ngăn được thể hiện tại hình sau:



Hình 3.4. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.

Nguyên lý hoạt động: Nước thải được thu gom vào ngăn lắng sơ cấp tiếp nhận nước thải rồi chảy sang ngăn phân huỷ yếm khí. Ở ngăn phân huỷ yếm khí, dưới sự hoạt động của vi sinh vật kỵ khí, lên men các chất ô nhiễm tạo thành khí CH_4 , CO_2 ... khí thải được thoát ra ngoài theo đường ống dẫn khí. Hỗn hợp nước thải được dẫn qua bể lắng thứ cấp, phần nước trong được dẫn ra ngoài, phần bùn được giữ lại trong các ngăn lắng, dưới tác dụng của vi khuẩn kỵ khí sẽ phân huỷ tạo thành các chất khoáng, khí hoà tan. Cặn lắng sẽ được công ty thuê các đơn vị chức năng thu hút định kỳ. Nước thải sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ được đưa về trạm XLNT sinh hoạt của nhà máy để tiếp tục xử lý.



Hình 3.5. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn.

Hiện tại, Công ty đã xây dựng 05 bể tự hoại ba ngăn đặt ngầm ở dưới khu vực nhà vệ sinh số 1,2; nhà vệ sinh khu nhà điều hành, nhà ăn ca và nhà bảo vệ. Tổng thể tích 05 bể tự hoại là $69m^3$ cụ thể như sau:

Bảng 3.2. Vị trí và thể tích các bể tự hoại

STT	Vị trí	Số lượng bể	Thể tích
1	Khu nhà điều hành	02	$7 m^3/\text{bể}$
2	Nhà bảo vệ	01	$10 m^3$

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng” (giai đoạn I)*

STT	Vị trí	Số lượng bể	Thể tích
3	Nhà vệ sinh số 01	01	22,5 m ³
4	Nhà vệ sinh số 02	01	22,5 m ³

Công ty sẽ thực hiện các biện pháp để tăng cường hiệu quả xử lý của bể tự hoại cụ thể như sau:

✓ Định kỳ 3 tháng bổ sung 1 lần chế phẩm BIO – PHỐT (150 g/m³ bể) vào bể tự hoại để khử mùi hôi và tăng cường quá trình trao đổi, phân giải các chất hữu cơ trong bể tự hoại, làm giảm sự hình thành màng hữu cơ trên bề mặt để ngăn chặn hiện tượng đầy giả tạo và tắc nghẽn lưu thông của hệ thống. Đây là chế phẩm không độc hại với người, động vật và môi trường.

✓ Định kỳ thuê đơn vị có chức năng tối hút bùn bể tự hoại và nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước thải 6 tháng/lần; kiểm tra phát hiện rò rỉ, hỏng hóc của các thiết bị thu gom, xử lý nước thải để thay thế kịp thời.

❖ Bể xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m³/ngày.đêm

Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ được đưa sang hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100m³/ngày.đêm bằng công nghệ sinh học để xử lý nước thải trước khi xả ra ngoài môi trường.

Với việc tăng diện tích cho thuê nhà xưởng làm tăng số lượng công nhân hoạt động tại nhà xưởng cho thuê (tăng từ 900 người lên 1.000 người), như vậy lượng nước thải từ khu vực nhà xưởng cho thuê tăng lên là 75 m³/ngày.đêm. Trạm xử lý nước thải công suất 100m³/ngày.đêm của dự án vẫn đủ khả năng xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ các công ty thuê nhà xưởng.

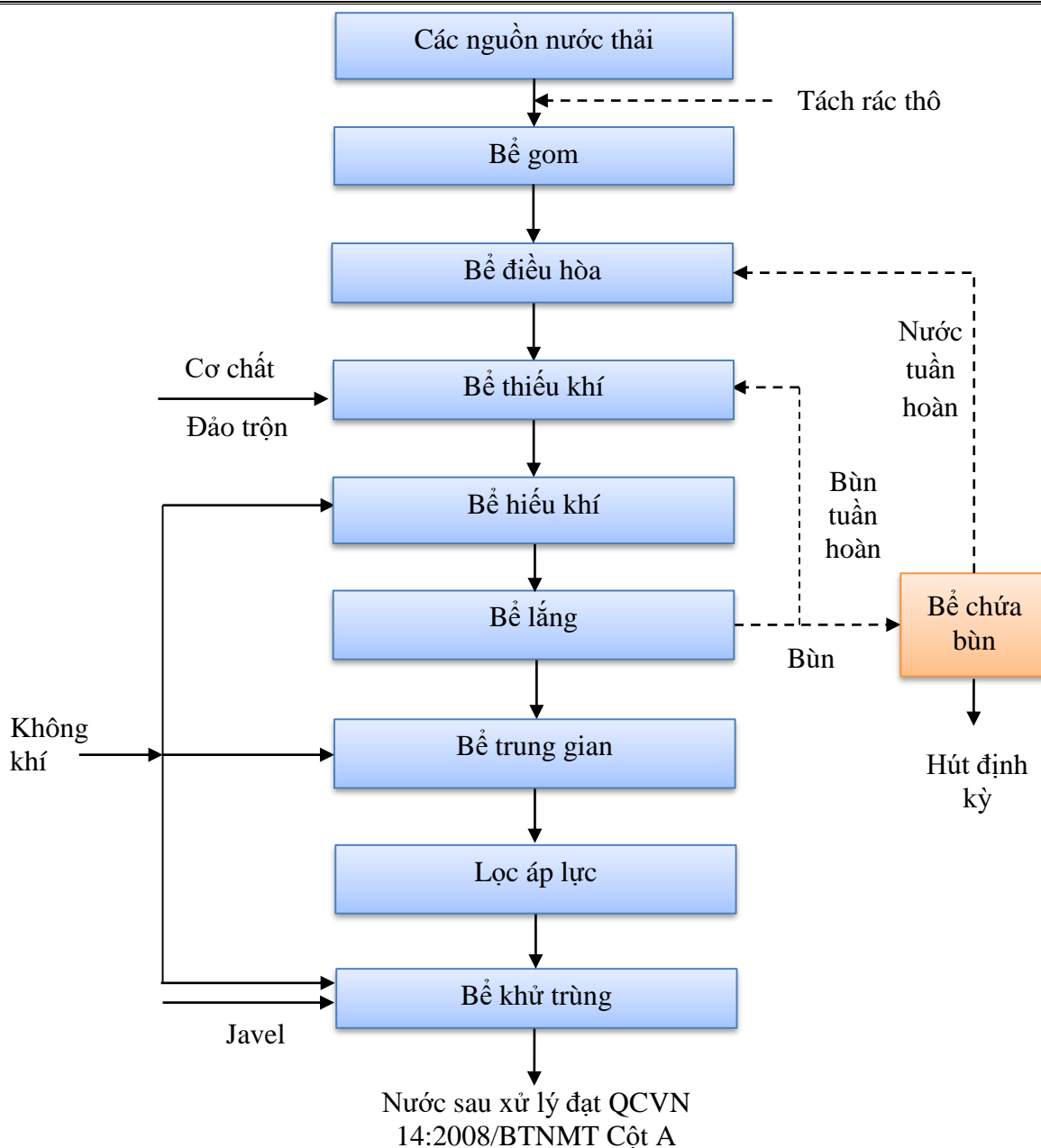
Hiện nay nhà máy đã xây dựng hoàn thiện trạm xử lý nước thải công suất 100m³/ngày.đêm tại phía Tây của dự án.

Đơn vị lắp đặt: Công ty TNHH Xây dựng và Môi trường Minh An

Địa chỉ: Khu 5, phường Tân Hưng, thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0986987793

Công nghệ xử lý được trình bày theo sơ đồ sau:



Hình 3.6. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy

❖ **Thuyết minh công nghệ:**

- Bể thu gom:

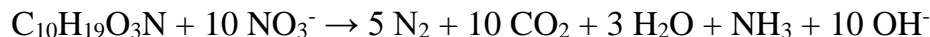
Nước thải sinh hoạt từ các nguồn theo độ dốc tuyến ống thu gom về bể thu gom. Trước tiên nước thải qua hộp chắn rác thô có kích thước khe tách rác 8-10mm. Rác thô, kích thước lớn được giữ lại và được lược bỏ bằng phương pháp thủ công. Bơm bể thu gom lắp bơm chìm, hoạt động theo tín hiệu phao báo mức nước.

- Bể điều hòa:

Bể điều hòa có chức năng điều tiết lưu lượng xử lý và ổn định nồng độ các chất ô nhiễm. Trong bể điều hòa có lắp đặt hệ thống cấp khí đáy bể để tránh quá trình phát sinh mùi và xử lý sơ bộ.

- Bể thiếu khí (Anoxic):

Bể Anoxic để xử lý nước thải trong điều kiện thiếu khí để loại bỏ Nitơ. Bể Anoxic tiếp nhận nước thải từ bể điều hòa, dòng nước tuần hoàn chứa nitrat từ bể Aerotank. Phản ứng khử nitrat trong bể với nguồn chất hữu cơ trong nước thải đầu vào đóng vai trò là chất cho điện tử:



Để quá trình phản ứng diễn ra thuận lợi, tại bể Anoxic bố trí máy khuấy trộn với tốc độ khuấy phù hợp. Máy khuấy có chức năng khuấy trộn dòng nước tạo ra môi trường thiếu oxi cho hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển. Nước thải sau bể Anoxic sẽ tự chảy sang bể Aerotank. Tại bể sinh học thiếu khí bố trí 01 máy khuấy tạo môi trường thuận lợi cho công đoạn xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học thiếu khí. Đồng thời để hoạt động ổn định hệ thống, tại công đoạn này thiết kế hệ thống cấp cơ chất (methanol, mật rỉ đường) bổ sung khi cần thiết.

- Bể xử lý sinh học hiếu khí (Oxic/Aerotank):

Sau khi trải qua giai đoạn xử lý ở bể Anoxic, nước thải sẽ được tiến hành xử lý bằng phương pháp sinh học tiếp theo tại bể sinh học hiếu khí Aerotank. Trong bể sinh học hiếu khí, các vi khuẩn hiếu khí (bùn hoạt tính) phân hủy các chất hữu cơ (chủ yếu là chất hữu cơ hòa tan). Oxy được cung cấp vào bể nhằm tạo điều kiện cho quá trình phân hủy sinh học các hợp chất hữu cơ. Sau khi tiến hành quá trình xử lý sinh học, phần lớn các chất hữu cơ (COD, BOD) có trong nước thải được loại bỏ. Nước thải rời khỏi bể hiếu khí được dẫn qua bể lắng để tiến hành quá trình tách nước và bùn. Ngoài ra, trong bể Aerotank phản ứng Nitrat hóa cũng xảy ra để xử lý Nitơ từ dạng NH_4^+ thành NO_3^- :



Bơm chìm nước thải được bố trí để bơm hồi lưu nước thải chứa Nitrat về bể Anoxic để xử lý Nitơ. Thiết bị sử dụng cho bể sinh học hiếu khí gồm: Máy thổi khí cấp khí cho bể sinh học hiếu khí; Bơm tuần hoàn dòng thải từ hiếu khí - thiếu khí; Hệ thống đĩa phân phối khí; Giá thể vi sinh.

- Bể lắng:

Hỗn hợp bùn hoạt tính/nước trong bể hiếu khí tự chảy về bể lắng qua hệ thống phân phối và ống lắng trung tâm. Dòng nước thải chảy vào ống lắng trung tâm theo hướng tiếp tuyến với chu vi ống lắng. Do có tỷ trọng lớn nên bùn hoạt tính sẽ lắng xuống đáy bể, nước trong được thu qua máng thu nước tới bể trung gian.

Bùn từ bể lắng được bơm tuần hoàn về bể sinh học thiếu khí, bùn dư được bơm sang bể chứa bùn. Thiết bị tại bể lắng sinh học được thiết kế gồm: 01 bộ ống lắng trung tâm hình trụ, hệ thống máng thu nước và tấm chặn váng bọt nổi; 01 bơm chìm tuần hoàn bùn vi sinh hoạt tính.

- Bể trung gian:

Nước thải từ bể lắng chảy tràn sang bể trung gian giúp ổn định dòng chảy và giúp tách pha lỏng – rắn hiệu quả hơn trước khi bơm lên bồn lọc áp lực.

- Bồn lọc áp lực:

Nước thải tiếp tục được bơm qua bồn lọc áp lực. Bồn lọc áp lực có tác dụng: Các chất rắn không tan và tan đều được giữ lại khi nước đi qua các lớp vật liệu lọc, nước trở nên sạch hơn sau khi qua hệ thống. Lớp vật liệu lọc trong hệ thống là sỏi và cát thạch anh. Sau mỗi chu kỳ lọc, cần dính bám trên bề mặt lớp vật liệu lọc ở những lớp trên cùng và chúng được lấy ra bằng phương pháp rửa ngược, cần bản sẽ được xối tung lên và các hạt vật liệu lọc va chạm, ma sát vào nhau sẽ tự làm sạch bề mặt của chúng, nước bản được tháo ra khỏi bồn bằng đường thải riêng biệt.

Hệ thống lọc bao gồm:

- 01 bơm lọc đặt cạn hoạt động theo phao báo mức
- 01 bồn lọc áp lực: vật liệu lọc là sỏi và cát thạch anh, than hoạt tính
- 01 bộ phao báo mức điều khiển hoạt động của bơm lọc

- Bể khử trùng:

Nước thải sau khi qua hệ thống lọc được đưa đến xử lý tại bể khử trùng, tiếp xúc chlorine trong Javel. Chlorine, chất oxy hóa mạnh thường được sử dụng rộng rãi trong quá trình khử trùng nước thải. Ngoài mục đích khử trùng, chlorine còn có thể sử dụng để giảm mùi trong nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Liều lượng hóa chất khử trùng chlorine sử dụng: 3-5 g/m³ nước thải.

- Bể chứa bùn:

Bùn dư từ các công trình xử lý được thu gom về bể chứa bùn. Định kỳ thuê các xe hút bùn tiến hành hút bỏ cạn (không phân hủy) tích lũy dưới đáy bể mang đi xử lý theo quy định.

Nước thải sinh hoạt sau xử lý đảm bảo chất lượng đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1,0) sau đó được chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

* Các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 3.3. Các hạng mục công trình của HTXLNT công suất 100m³/ngày.đêm

STT	Hạng mục	Số lượng	Kích thước	Thể tích
1	Bể gom	01	1,0m x 1,1m x 2,5m	4,5 m ³
2	Bể điều hòa	01	5,3m x 4,4m x 3,0m	70,23 m ³
3	Bể thiếu khí - Anoxic	01	4,2m x 3,2m x 3,0m	40,57 m ³
4	Bể sinh học hiếu khí	01	3,7m x 4,4m x 3,0m	48,80 m ³
5	Bể lắng sinh học	01	3,0m x 3,0m x 3,0m	27 m ³
6	Bể trung gian	01	1,4m x 1,2m x 3,0m	5 m ³
7	Bể khử trùng	01	1,4m x 1,2m x 3,0m	5 m ³
8	Bể chứa bùn	01	4,2m x 1,0m x 3,0m	12,35 m ³
9	Bồn lọc áp lực	01	DxH = 0,75m x 1,85m	0,81 m ³
9	Bồn cấp cơ chất và hóa chất javen	03	500 lít	

* Danh mục máy móc, thiết bị lắp đặt của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 3.4. Danh mục máy móc, thiết bị của HTXLNT công suất 100m³/ngày.đêm

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng
A	BỂ gom			
1	Hộp chắn rác - KT: Theo thiết kế nhà thầu - Vật liệu: Inox 304 - Phụ kiện: Xích treo, nở ... Inox 304	bộ	Việt Nam	1
2	Bơm nước thải từ bể thu gom sang bể điều hòa - Kiểu bơm: dạng bơm chìm - Lưu lượng Q _{max} = 19,98 m ³ /h - Cột áp H _{max} = 8,5 m - 1 pha / 220 V / 0,45kw/ 50 Hz - Phụ kiện: Xích treo, nở ... Inox 304 - Model: SH(m)-450(F)	bộ	Showfou/Taiwan	2
3	Phao báo mức - Điện áp 220V/50HZ - Nhiệt độ làm việc: -10-:-50°C - Cấp độ bảo vệ: IP68	bộ	Asia	1
B	BỂ điều hoà			
1	Bơm nước thải từ bể điều hòa sang bể thiếu khí - Kiểu bơm: dạng bơm chìm - Lưu lượng Q _{max} = 19,98 m ³ /h - Cột áp H _{max} = 8,5 m - 1 pha / 220 V / 0,45kw/ 50 Hz - Phụ kiện: Xích treo, nở ... Inox 304 - Model: SH(m)-450(F)	bộ	Showfou/Taiwan	2
2	Hệ thống ống khí đảo trộn bể điều hòa - Đảo trộn và điều hòa nồng độ, lưu lượng, tránh lắng cặn - Vật liệu: uPVC C2 - Phụ kiện: đai ke, ...	hệ	Việt Nam	1
3	Phao báo mức - Điện áp 220V/50HZ - Nhiệt độ làm việc: -10-:-50°C - Cấp độ bảo vệ: IP68	bộ	Asia	1
C	BỂ thiếu khí			
1	Máy khuấy chìm bể thiếu khí (M03-A/B) - Động cơ: 380 V / 3 pha / 0,75kw/ 50 Hz - Lưu lượng Q = 50m ³ /h	bộ	Showfou/Taiwan	2

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng” (giai đoạn I)*

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng
	- Dòng chảy 6m - Vật liệu: Thân, cánh, lồng bao, đai inox 304- Model: MIX-0.75			
2	Bộ thanh dẫn inox 304, xích treo máy inox 304	bộ	Việt Nam	2
D	BỂ HIẾU KHÍ			
1	Máy thổi khí (AB04-A/B) - Lưu lượng khí: 3,26 m ³ /phút - Cột áp: 3 m, công suất P=4,0 kw - Cung cấp bao gồm: 01 bộ gồm đầu thổi khí, Silencer, check valve, safety valve, bộ chân đế, Pully, V-bell, belt cover, đồng hồ - Điện áp: 3 pha / 380 V / 50 Hz - Model: LT-65	bộ	Longtech/Taiwan	2
2	Hệ đĩa phân phối khí - Model: 9" Disc diffuser std. - vật liệu: Màng EDPM - Loại : phân phối bột khí mịn - Đường kính: 9" - Phụ kiện đồng bộ	hệ	China	1
3	Giá thể đệm vi sinh lưu động - Vật liệu: D50/100 nhựa PVC/HDPE	hệ	Việt Nam	1
4	Bơm nước thải tuần hoàn từ bể hiếu khí sang bể thiếu khí - Kiểu bơm: dạng bơm chìm - Lưu lượng Qmax = 19,98 m ³ /h - Cột áp Hmax = 8,5 m - 1 pha / 220 V / 0,45kw/ 50 Hz - Phụ kiện: Xích treo, nở ... Inox 304 - Model: SH(m)-450(F)	bộ	Showfou/Taiwan	1
E	BỂ LẮNG			
1	Bơm bùn từ bể lắng sang bể thiếu khí, hiếu khí, bể bùn - Kiểu bơm: dạng bơm cặn - Lưu lượng Qmax = 33 m ³ /h - Cột áp Hmax = 15 m - 1 pha / 220 V / 1,1kw/ 50 Hz - Model: DWO 150	bộ	Ewala/China	1
2	Hệ thống ống thu nước trung tâm - Kích thước: D x H: Theo thiết kế - Vật liệu: Sus304	bộ	Việt Nam	1

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng” (giai đoạn I)*

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng
3	Hệ thống tấm chắn bọt nổi - Kích thước : Theo thiết kế - Vật liệu: SUS304	bộ	Việt Nam	1
4	Hệ thống cần gạt bùn ly tâm. - Kích thước: Theo thiết kế nhà thầu - Vật liệu: TTK/CT3 - Motor giảm tốc: 9-12 vòng/ giờ. CS 0,75kw/380V/50Hz. Model: GV50-750W7000S - Cần gạt bùn: Trục gạt Thép, cánh gạt bùn bằng thép. - Phụ kiện: Khung định vị, giá treo cần gạt, Bulong liên kết cấu trúc neo cần gạt.	Cái	Wanshsin/China	1
F	BỂ trung gian			
1	Bơm nước thải từ bể trung gian - cột lọc áp lực - Kiểu bơm: dạng bơm cạn - Lưu lượng Q = 9-39 m ³ /h - Cột áp H = 35,6-25,4m - 380 V /4,0kw/ 50 Hz - Model: CM 40-160A	bộ	Việt Nam	2
2	Phao báo mức - Điện áp 220V/50HZ - Nhiệt độ làm việc: -10-:-50oC - Cấp độ bảo vệ: IP68	bộ	Asia	1
G	BỒN lọc áp lực			
	- Kích thước: Theo thiết kế nhà thầu - Vật liệu: Composite - Vật liệu lọc: Than hoạt tính, cát thạch anh - Model: 3072 - Xuất xứ: Ronsentech/China	Cụm	Ronsentech/China	1
H	Hệ thống điện điều khiển			
1	Hệ thống điện động lực - Tủ điện: thép phủ sơn tĩnh điện, dày 2mm - Vật tư cho tủ điện: MCB , Contactor, role, Bảo vệ mất pha, đồng hồ Volt, ampe, Đèn báo, còi báo, Công tắc , Cấp điện, điện động lực dẫn đến các thiết bị, ống đi dây điện và các phụ kiện khác,	Tủ	Asia	2

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng” (giai đoạn I)*

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng
	- Máng điện: PVC - Dây động lực đến thiết bị: Cadisun			
2	Đường điện kỹ thuật - Dây điện phù hợp với công suất từng thiết bị - Ống bảo vệ dây PVC - Chứa bao gồm điện nguồn kéo đến tủ điện điều khiển. - Xuất xứ: Asia	hệ	Asia	1



Hình 3.7. Trạm xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày đêm của nhà máy

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Trong giai đoạn I, dự án vẫn chưa hoạt động sản xuất do đó các công trình, hệ thống thu gom, xử lý khí thải chưa được lắp đặt. Nguồn phát sinh bụi, khí thải chủ yếu từ các hoạt động như sau:

- Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải của các đơn vị thứ cấp ra vào nhà máy;
- Phát sinh mùi từ hệ thống thoát nước thải và các khu vực lưu giữ rác thải;
- Phát sinh từ quá trình hoạt động của các đơn vị thứ cấp.

Các biện pháp để giảm thiểu bụi, khí thải được thực hiện như sau:

a) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí từ các phương tiện GTVT

Ô nhiễm bụi, khí thải từ quá trình hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải mang tính phân tán, khó tập trung để xử lý. Các biện pháp để giảm thiểu bụi, khí thải được thực hiện như sau:

- Thành lập tổ vệ sinh dọn dẹp hàng ngày nhằm giảm tối đa lượng bụi phát sinh trong đường giao thông nội bộ.

- Bố trí sắp xếp các xe ra vào hợp lý, khoa học. Giao cho tổ bảo vệ giám sát thời gian đi lại các phương tiện ra vào nhà máy, bốc dỡ hàng hóa, nguyên vật liệu.

- Khuyến khích sử dụng xăng dầu đạt tiêu chuẩn, định kỳ bảo dưỡng sửa chữa các phương tiện vận chuyển.

- Tưới nước bề mặt đường nội bộ của nhà máy với tần suất 01 lần/ngày (vào những ngày hanh khô). Nguồn nước được lấy từ hệ thống cấp nước của nhà máy.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy; các loại cây xanh được trồng tại nhà máy bao gồm: lộc vừng, sấu, xoài... cùng một số loại cây bụi thấp.

- Đối với các phương tiện vận chuyển:

+ Không cho xe nổ máy khi đang giao nhận hàng.

+ Các phương tiện giao thông khi đi vào đường nội bộ của công ty yêu cầu với tốc độ 5 km/h.

+ Tất cả các phương tiện vận tải, máy móc tham gia vận chuyển đều phải được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cục đăng kiểm về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

b) Biện pháp giảm thiểu mùi từ hệ thống thoát nước thải và khu vực lưu trữ rác thải

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước thải, không để xảy ra tình trạng tắc nghẽn đường ống thoát nước.

- Chất thải phát sinh của các đơn vị thứ cấp sẽ được đội vệ sinh thu gom hàng ngày, tập kết vào đúng nơi quy định.

- Điểm tập kết rác thải của đơn vị thứ cấp được bố trí ở vị trí thông thoáng và ngăn cách với khu vực khác. Yêu cầu chủ đầu tư thứ cấp thường xuyên dọn vệ sinh sạch sẽ nơi lưu trữ rác thải.

- Công ty thứ cấp sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải tại địa phương để vận chuyển, xử lý rác thải, tránh việc lưu trữ rác thải trong thời gian dài.

c) Biện pháp xử lý bụi, khí thải từ quá trình sản xuất của các đơn vị thứ cấp

Chủ đầu tư thứ cấp tự chịu trách nhiệm đầu tư hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải từ quá trình sản xuất phù hợp trong diện tích nhà xưởng cho thuê. Chủ đầu tư có trách nhiệm xin cấp phép khí thải theo quy định của pháp luật.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Với số lượng cán bộ, công nhân viên dự kiến làm việc tại nhà xưởng cho thuê là 1.000 người thì khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án là $1.000 \times 0,5 = 500$ kg/ngày. Thành phần chất thải này chứa chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy như: cơm canh, thức ăn thừa, rau củ quả hỏng từ nhà bếp; lá cây. Ngoài ra còn có các loại khác như giấy vụn, vỏ chai lọ, túi nilon từ khu vực văn phòng.

Các công ty vào thuê nhà xưởng có trách nhiệm thu gom và ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng để tiến hành thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định của pháp luật.

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thành phần, khối lượng:

Phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy (giai đoạn I) bao gồm bùn thải từ quá trình xử lý nước thải, cát sỏi từ bồn lọc của HTXL nước thải, bùn thải từ quá trình nạo vét đường ống thoát nước mưa, nước thải,... cụ thể:

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được thiết kế với công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm. Khi hoạt động ổn định, lượng bùn thải theo tính toán khoảng $25 \text{ kg}/\text{ngày}$, tương đương khoảng $7.500 \text{ kg}/\text{năm}$.

+ Cát, sỏi từ hệ thống lọc của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: khối lượng cát, sỏi trong cột lọc áp lực là 936 kg ; tần suất thay thế định kỳ 01 năm/lần. Do vậy, khối lượng chất thải là $936 \text{ kg}/\text{năm}$.

+ Bùn thải từ quá trình nạo vét hệ thống thoát nước mưa, nước thải: Công ty sẽ thực hiện nạo vét định kỳ khoảng 3 tháng/lần, khối lượng bùn thải phát sinh dự kiến khoảng $600 \text{ kg}/\text{năm}$.

+ Chất thải từ hoạt động của các đơn vị thuê xưởng: Tùy theo từng loại hình sản xuất của các đơn vị thuê nhà xưởng sẽ phát sinh các loại chất thải khác nhau. Các đơn vị thuê nhà xưởng sẽ tự đánh giá chi tiết trong hồ sơ môi trường của từng đơn vị.

Vậy tổng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường dự kiến phát sinh trong giai đoạn hoạt động của nhà máy (giai đoạn I) là khoảng $9.036 \text{ kg}/\text{năm}$.

- Biện pháp thu gom, xử lý:

+ Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng để hút từ bể chứa bùn thải sau đó vận chuyển đi ngay, không lưu giữ tại dự án.

+ Các loại CTR thông thường còn lại được phân loại ngay tại nguồn phát sinh, sau đó nhân viên vệ sinh sẽ thu gom, tập kết về kho lưu giữ CTR công nghiệp thông thường có diện tích 10 m^2 .

- Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý CTR công nghiệp thông thường theo đúng quy định. Tần suất thu gom, vận chuyển là khoảng 2 tuần/lần hoặc tùy theo khối lượng phát sinh.

- Các đơn vị thuê nhà xưởng có trách nhiệm phân loại, bố trí thiết bị lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- *Chủng loại, khối lượng CTNH phát sinh của Nhà máy*

Nguồn phát sinh CTNH từ quá trình hoạt động của nhà máy trong giai đoạn I bao gồm các loại phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải như: giẻ lau dính dầu, các loại bao bì chứa hóa chất xử lý nước thải,... Danh mục các chất thải nguy hại có thể phát sinh như sau:

Bảng 3.5. Các loại chất thải nguy hại dự kiến phát sinh trong giai đoạn vận hành

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	105	18 02 01
2	Bao bì cứng bằng nhựa chứa TPNH	Rắn	150	18 01 03
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại chứa TPNH	Rắn	200	18 01 02
	Tổng		455	

- *Công trình thu gom, lưu giữ CTNH*

Chất thải phải kiểm soát, nguy hại phát sinh tại Nhà máy được thu gom và phân loại riêng từng loại ngay tại nguồn, được đựng trong các thùng chứa riêng biệt, có nắp đậy, để tên CTNH, dán nhãn CTNH kèm theo mã số CTNH trên từng thùng đựng CTNH. CTNH được chứa trong kho chứa chất thải có diện tích 20 m². Kho chứa có cửa đóng kín, sàn đổ bê tông chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh, có hố thu CTNH dạng lồng trong trường hợp xảy ra sự cố theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Công tác thu gom và lưu giữ chất thải nguy hại tại Nhà máy đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Toàn bộ CTNH được phân loại tại nguồn ngay tại nơi phát sinh. Không để CTNH lẫn với CTR sinh hoạt và CTR công nghiệp thông thường.

+ CTNH được thu gom, đưa về kho chứa CTNH và lưu giữ riêng biệt, bố trí khoảng 1 thùng chứa có dung tích 50 lít, 02 khay inox kích thước 1,5m×1,5m×0,2m để lưu chứa toàn bộ CTNH. Trên các thùng đều được dán nhãn mã CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

+ Kho lưu giữ CTNH được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa sự cố cháy nổ (bình chữa cháy tại chỗ). Tại khu vực kho chứa CTNH bố trí vật liệu hấp

thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

- Các đơn vị thuê nhà xưởng có trách nhiệm phân loại, bố trí thiết bị lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Tần suất thu gom, vận chuyển là khoảng 6 tháng/lần hoặc tùy theo khối lượng phát sinh.

Thực hiện chế độ báo cáo công tác quản lý CTNH định kỳ hàng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12), báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lưu trữ với thời hạn 05 năm tất cả các liên chứng từ CTNH đã qua sử dụng, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Các khu vực phát sinh tiếng ồn, độ rung chủ yếu là khu vực khu vực xử lý nước thải, phương tiện giao thông di chuyển trong khuôn viên dự án. Để hạn chế sự ảnh hưởng của tiếng ồn và độ rung tại các khu vực này, dự án áp dụng một số biện pháp sau:

- Lắp đặt, cân chỉnh máy đúng kỹ thuật để giảm độ rung; thường xuyên tra dầu bôi trơn.
- Tạo khoảng cách hợp lý giữa các thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn tiếng ồn cho phép.
- Định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng máy móc của hệ thống xử lý nước thải.
- Đối với các phương tiện giao thông ra vào, Công ty đã quy định tốc độ chạy xe tối đa là 5 - 10 km/h và phải tắt máy khi dừng, đỗ trong khu vực Công ty.
- Trồng nhiều cây xanh quanh khuôn viên dự án để giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh.

- Đối với đơn vị thuê nhà xưởng: Chủ dự án thứ cấp chịu trách nhiệm thực hiện vệ sinh công nghiệp và có các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung ra ngoài môi trường.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào hoạt động ổn định

Phương án, kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành của dự án được đề xuất căn cứ theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, cụ thể như sau:

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tại dự án.
- Tổ chức tập huấn cho thành viên của lực lượng ứng phó sự cố môi trường, cán bộ công nhân viên công ty các kịch bản ứng phó sự cố môi trường.
- Diễn tập ứng phó sự cố môi trường định kỳ 01 lần/năm.
- Khi xảy ra sự cố môi trường, tùy theo mức độ và phạm vi ảnh hưởng, các bước thực hiện ứng phó sự cố được triển khai theo các cấp độ ưu tiên như sau:

+ Bước 1: Thông báo về vị trí và phạm vi sự cố tới Ban lãnh đạo công ty, trường ban chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường.

+ Bước 2: Đánh giá, khoanh vùng sự cố và đảm bảo an toàn cho các khu vực khác, tránh để sự cố lan rộng hoặc lan truyền sang khu vực khác.

+ Bước 3: Thực hiện các biện pháp đảm bảo cho con người, tài sản, sinh vật và môi trường.

+ Bước 4: Thu hồi, xử lý, loại bỏ chất ô nhiễm, phục hồi môi trường, đền bù thiệt hại sau sự cố.

+ Bước 5: Thông báo, cung cấp thông tin về sự cố môi trường cho cộng đồng phòng tránh các tác động xấu từ sự cố môi trường.

6.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

- Định kỳ hút bùn thải tại bể tự hoại, bể chứa bùn, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Đảm bảo vận hành các công trình thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thứ cấp thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường đối với các loại nước thải phát sinh.

6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với kho chứa chất thải

+ Đã xây dựng nhà kho có mái che, nền bê tông, có tường bao quanh, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước;

+ Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý và có các biện pháp để phòng ngừa, kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại;

+ Dán biển cảnh báo tại các khu vực có các chất thải dễ tràn đổ, dễ cháy nổ,...;

+ Trong kho chứa đặt sẵn 1 – 2 bình chữa cháy tạm thời;

+ Người chịu trách nhiệm thực hiện: Nhân viên bảo dưỡng trong ca làm việc.

6.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Trong giai đoạn I, hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ diễn ra chủ yếu ở khu vực nhà xưởng cho thuê. Chủ đầu tư sẽ kết hợp chặt chẽ với đơn vị thứ cấp để đưa ra phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ phù hợp.

a. Tổ chức chữa cháy

- Tùy theo mức độ cháy và vị trí của nơi phát sinh sự cố có các bước xử lý khác nhau.

- Khi phát hiện cháy, người phát hiện hô to: cháy, cháy, ấn còi báo cháy.

- Cúp cầu dao khu vực và khu vực liên hệ.

- Dùng điện thoại báo cháy cho lực lượng PCCC chuyên nghiệp số 114 hoặc báo cho đội PCCC gần nhất.

- Dùng phương tiện PCCC tại chỗ (hạng nước chữa cháy, bình CO₂, bình bột) dập tắt đám cháy.

- Cứu người bị nạn ra khỏi khu vực cháy.
- Di chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra khỏi khu vực cháy.
- Tạo khoảng cách ngăn cháy chống lây lan.

b. Xử lý tình huống khi xảy ra cháy:

Trong giờ làm việc:

- Khi phát hiện cháy nổ, người phát hiện phải hô to, kêu gọi lực lượng chữa cháy gần nhất.

- Nhân viên phát hiện cháy thông báo ngay cho Trưởng phó phòng, tổ trưởng tổ ứng cứu tại khu vực mình sản xuất, tất cả các công nhân bình tĩnh xác định khả năng lây lan, hỗ trợ dập tắt ngay.

- Khi nhận tin có cháy, công nhân được phân công thực hiện tắt ngay cầu dao điện sử dụng bình chữa cháy, các nhân viên khác theo phân công sử dụng dây dẫn nước, các phương tiện khác như xô xách nước, mền chữa cháy, giẻ có tấm nước dập tắt đám cháy.

- Trưởng phòng, tổ trưởng tổ ứng cứu báo cáo ngay cho Tổng chỉ huy điều động các phòng hỗ trợ.

- Tổng chỉ huy điều động các Đội hỗ trợ và quyết định các biện pháp nhằm nhanh chóng dập tắt đám cháy, chuyển tài sản khỏi nơi xảy ra cháy.

Ngoài giờ làm việc:

- Người phát hiện cháy phải bằng mọi cách báo ngay cho Tổng chỉ huy và thành viên Ban chỉ huy theo số điện thoại cố định hoặc di động.

- Thông báo ngay cho Trưởng hoặc Phó trưởng phòng Tổ chức hành chính.

- Sử dụng bình CO₂ hoặc nước dập tắt đám cháy.

- Người được nhận thông tin phải nhanh chóng có mặt tại Công ty, điều động công nhân thuộc tổ ứng cứu đến hỗ trợ dập tắt đám cháy. Xảy ra cháy lớn phải thông báo Phòng cảnh sát PCCC khu vực đưa phương tiện đến dập tắt đám cháy.

- Công nhân khi nhận được điện thoại thông báo phải nhanh chóng đến hiện trường để phối hợp chữa cháy, cứu tài liệu, tài sản Công ty.

Phân công xử lý tình huống:

- Từng bộ phận sản xuất lập danh sách tổ ứng cứu do Trưởng phòng phó trưởng phòng làm tổ trưởng.

- Tùy theo mức độ cháy và vị trí của nơi phát sinh sự cố có các bước xử lý phù hợp, đồng chí tổ trưởng có trách nhiệm phân công thành viên trong tổ xử lý tình huống.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Các nội dung đã điều chỉnh, thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án được trình bày trong bảng sau:

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng” (giai đoạn I)*

Bảng 3.6. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM

Nội dung thay đổi	Theo ĐTM đã phê duyệt	Thực tế đã thực hiện	Lý do thay đổi
Thông tin chủ dự án	Tên chủ dự án: Công ty TNHH thương mại và sản xuất vật liệu xây dựng Đông Dương 3 Địa điểm dự án: thôn Đức Hỷ, xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Tên chủ dự án: Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Hồng Vận Địa điểm dự án: thôn Đức Hỷ, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng	Thực hiện tách công ty theo nhu cầu thực tế. Địa điểm dự án thay đổi do sát nhập địa giới hành chính.
Quy mô dự án	+ Sản xuất kết cấu thép và thiết bị công nghiệp, quy mô: Kết cấu thép 5.000 tấn/năm; xà gồ 2.000 tấn/năm; thiết bị công nghiệp 2.000 tấn/năm. + Cho thuê văn phòng, diện tích cho thuê 600 m ² ; cho thuê nhà xưởng, diện tích cho thuê 15.000 m ² .	+ Sản xuất kết cấu thép và thiết bị công nghiệp, quy mô: Kết cấu thép 1.000 tấn/năm; xà gồ 500 tấn/năm; thiết bị công nghiệp 1.000 tấn/năm. + Cho thuê văn phòng, diện tích cho thuê 600 m ² ; cho thuê nhà xưởng, diện tích cho thuê 23.000 m ² .	Căn cứ tình hình triển khai thực tế của dự án, sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng các hạng mục công trình, Công ty nhận thấy nhu cầu thuê nhà xưởng trên địa bàn tăng cao, trong khi nhu cầu sản xuất kết cấu thép và thiết bị công nghiệp có xu hướng giảm so với dự kiến ban đầu.
Quy hoạch của dự án	- Các hạng mục công trình: Nhà bảo vệ 1: 52 m ² Nhà bảo vệ 2: 16 m ² Nhà để xe công nhân số 1: 1.050 m ² Nhà điều hành: 339 m ² Hồ điều hòa + PCCC: 491 m ² Bể nước sinh hoạt – ngầm: 72 m ²	- Các hạng mục công trình điều chỉnh: Nhà bảo vệ: 40 m ² Nhà ăn ca số 1: 300 m ² Nhà để xe công nhân số 1: 648 m ² Nhà điều hành: 480,72 m ² Nhà vệ sinh số 1: 36,21 m ² Nhà vệ sinh số 2: 36,21 m ²	Thay đổi theo văn bản số 709/UBND-KT ngày 30/3/2026 của UBND xã Cẩm Giàng về việc chấp thuận Điều chỉnh Quy hoạch Tổng mặt bằng dự án Nhà máy sản xuất

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“Nhà máy sản xuất kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng” (giai đoạn I)*

Nội dung thay đổi	Theo ĐTM đã phê duyệt	Thực tế đã thực hiện	Lý do thay đổi
	Nhà trạm bơm PCCC: 32 m ² Khu vực XLNT + nhà trạm: 87 m ² - Đất xây dựng công trình: 27.871 m ² - Đất sân đường nội bộ: 10.328,7 m ² - Đất cây xanh: 9.920 m ² - Đất mặt nước: 491 m ²	Hồ điều hòa + PCCC: 284 m ² Nhà trạm bơm PCCC: 20,91 m ² Khu vực XLNT + nhà trạm: 83,98 m ² - Đất xây dựng công trình: 27.100,03 m ² - Đất sân đường nội bộ: 10.464,67 m ² - Đất cây xanh: 9.921 m ² - Đất mặt nước: 284 m ²	kết cấu thép và cho thuê nhà xưởng”
Biện pháp xử lý nước thải	Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Lọc áp lực → Bể khử trùng → Mương thoát nước chung của khu vực.	Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Lọc áp lực → Bể khử trùng → Mương thoát nước chung của khu vực.	Chủ dự án bổ sung bể trung gian để tạo bước đệm bơm lên cột lọc và không làm thay đổi công nghệ xử lý.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn phát sinh nước thải của dự án :

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bể phốt số 01 – 05

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng xả nước thải tối đa của dự án là 100 m³/ngày.đêm.

1.3. Dòng nước thải

Chủ dự án đề nghị cấp phép cho 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m³/ngày.đêm của nhà máy được xả vào nguồn tiếp nhận.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, C_{max} với K =1,0) như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, C _{max} với K =1,0)
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5.000
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000
12	Lưu lượng	m ³ /h	-

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả ra môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung).

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: mương thoát nước của khu vực thuộc xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng.

Tọa độ X(m): $X = 2320678$; $Y = 565786$ (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°).

- Phương thức xả nước thải: Sau khi nước thải được xử lý đạt kỹ thuật môi trường sẽ tự chảy qua đường ống PVC D160 dài 120m ra vị trí cửa xả nước thải của dự án. Phương thức xả thải tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: liên tục 24/24 giờ.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước của khu vực thuộc xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng.

2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, độ rung

2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực trạm xử lý nước thải

2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: $X = 2320752.6$; $Y = 565862.6$

(Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°).

2.3. Giá trị giới hạn về tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt tiêu chuẩn quy định theo QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Đối với tiếng ồn:

Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (6h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu E

Ghi chú: Khu E: Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định của pháp luật.

+ Đối với độ rung:

Bảng 4.3. Giá trị tối đa cho phép về mức độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (6h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	75	70	-	Khu D

Ghi chú: Khu D: Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

1.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến

Trong giai đoạn I, dự án có 01 công trình xử lý chất thải cần vận hành thử nghiệm:

+ 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m³/ngày.đêm.

Theo kế hoạch, công ty sẽ tiến hành vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải trong thời gian khoảng 6 tháng. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án dự kiến được thực hiện như sau:

Bảng 5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

TT	Tên công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m ³ /ngày.đêm	06 tháng kể từ ngày GPMT có hiệu lực	

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

a) Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu chất thải

Mẫu đơn, tần suất và thông số quan trắc khí thải được thực hiện như sau:

Căn cứ theo quy định tại Khoản 8, Điều 1, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, dự án không thuộc Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn, do vậy tần suất lấy mẫu quan trắc chất thải được thực hiện như sau:

+ Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất và hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải không lấy mẫu để phân tích.

+ Trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải: Tiến hành lấy 03 mẫu khí thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp; Tần suất: 1 ngày/lần.

Thời gian dự kiến lấy mẫu như sau:

Bảng 5.2. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình

TT	Vị trí lấy mẫu	Vị trí, thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu nước thải đầu ra của hệ thống	pH, BOD ₅ (20 ⁰ C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms, Lưu lượng	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, C _{max} với K = 1,0

b) Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Hồng Vận sẽ phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc phân tích môi trường để thực hiện kế hoạch lấy mẫu, phân tích trong giai đoạn vận hành thử nghiệm Dự án.

- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Môi trường Đại Nam

- Địa chỉ liên hệ: Biệt thự số 18, BT 4-2, Khu nhà ở Trung Văn, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024.22800777

- Công ty Cổ phần Môi trường Đại Nam có chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định: Giấy Chứng nhận VIMCERTS 288 ngày 23/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

Nước thải của nhà máy sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A) trước khi xả vào môi trường tiếp nhận. Đối chiếu theo Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP quy định Danh mục dự án phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục và quan trắc nước thải định kỳ thì dự án thuộc số thứ tự 3, tuy nhiên dự án không có công trình xả nước thải với lưu lượng (500 đến 1.000 m³/ngày đối với quan trắc định kỳ và 1.000 m³/ngày trở lên đối với quan trắc tự động, liên tục).

Do vậy, Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục và quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi tại Khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Chương trình giám sát khác

3.1. Giám sát chất thải rắn :

- Giám sát công tác thu gom, phân loại và vận chuyển CTR sinh hoạt
- CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường được thu gom, vận chuyển, phân loại theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT.
- Ghi chép nhật kí thu gom, vận chuyển chất thải rắn đi xử lý
- Tần suất vận thu gom đối với chất thải sinh hoạt: 2 ngày/lần.
- Tần suất thu gom đối với chất thải rắn thông thường: 1 tháng/lần

3.2. Giám sát CTNH

- Vị trí giám sát: tại các điểm tập trung và lưu chứa CTNH
- Nội dung giám sát:
 - + Các loại chất thải nguy hại;
 - + Khối lượng các loại chất thải nguy hại;
 - + Công tác lưu trữ và quản lý chất thải nguy hại;
 - + Tần suất giám sát: Giám sát thường xuyên qua sổ theo dõi;
 - + Tần suất thu gom đối với chất thải nguy hại: 6 tháng/lần
 - + Tiêu chuẩn giám sát: Giám sát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT.

CHƯƠNG VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Hồng Vận cam kết:

1. Cam kết những thông tin, số liệu, tài liệu đưa ra trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Chúng tôi cam kết xử lý các loại chất thải phát sinh tại dự án đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

+ Cam kết vận hành hệ thống thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án đảm bảo đạt giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

+ Cam kết thực hiện các biện pháp quản lý, đảm bảo việc tiêu thoát nước mưa. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước.

+ Cam kết thu gom, quản lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 05/2025/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT.

+ Cam kết triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố bể tự hoại ba ngăn,... và hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục khi xảy ra sự cố môi trường.

+ Cam kết tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ Cam kết trồng đầy đủ diện tích cây xanh và cây xanh có tán theo quy hoạch đã được phê duyệt.

+ Cam kết tăng cường công tác vệ sinh tại khu vực dự án, các khu nhập liệu, nhà xưởng, hạn chế tối đa chất thải chảy vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

+ Cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án, tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường của nhà nước và UBND thành phố Hải Phòng.

+ Cam kết đền bù thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường và vi phạm quy định về BVMT.

+ Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

PHỤ LỤC